

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05 - 30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa về trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tô 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Hào	Chủ tịch
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Thân	Giám đốc
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Đắc Huân	Thành viên
Ông Lê Quang Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Quang Thân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội được lập ngày 12 tháng 08 năm 2020 từ trang 05 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.632.799.614	13.865.998.567
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.936.274.532	2.422.530.337
111	1. Tiền		1.936.274.532	922.530.337
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	3.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.436.192.125	2.734.320.674
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	7.528.619.320	1.486.806.655
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.020.600.000	419.848.739
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	952.172.805	892.865.280
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(65.200.000)	(65.200.000)
140	IV. Hàng tồn kho	8	3.174.223.826	4.693.818.858
141	1. Hàng tồn kho		3.420.894.846	4.940.489.878
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(246.671.020)	(246.671.020)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		86.109.131	515.328.698
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	86.109.131	125.492.007
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	389.836.691
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.352.960.990	28.252.145.133
220	I. Tài sản cố định		13.169.951.170	13.351.899.090
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13.169.951.170	13.351.899.090
222	- Nguyên giá		58.648.256.586	57.613.982.086
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.478.305.416)	(44.262.082.996)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		14.118.477.008	13.408.970.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	14.118.477.008	13.408.970.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		2.064.532.812	1.491.276.043
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.064.532.812	1.491.276.043
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		43.985.760.604	42.118.143.700

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.368.190.743	18.755.429.203
310	I. Nợ ngắn hạn		21.318.190.743	18.755.429.203
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.395.225.680	881.457.544
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	212.658.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	707.926.621	90.763.492
314	4. Phải trả người lao động.		1.578.966.293	1.612.328.083
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	101.520.877	225.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	17.082.740.295	15.775.009.763
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		239.152.977	170.870.321
330	II. Nợ dài hạn		50.000.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	50.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		22.617.569.861	23.362.714.497
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	22.617.569.861	23.362.714.497
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.159.850.000	20.159.850.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.159.850.000	20.159.850.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(943.752.685)	(943.752.685)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.589.722.101	2.589.722.101
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		811.750.445	1.556.895.081
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.098.675	(18.117.383)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		786.651.770	1.575.012.464
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		43.985.760.604	42.118.143.700

Vũ Thị Hòa

Vũ Thị Hòa
Người lập biểu

Vũ Thị Hòa

Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	14.744.104.005	16.117.218.243
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.744.104.005	16.117.218.243
11	3. Giá vốn hàng bán	20	11.067.851.499	12.192.974.448
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.676.252.506	3.924.243.795
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	102.222.956	308.614.455
25	6. Chi phí bán hàng	22	40.503.780	24.250.000
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	2.744.056.969	2.775.017.006
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		993.914.713	1.433.591.244
31	9. Thu nhập khác		1.400.000	806.000
32	10. Chi phí khác		-	33.319.404
40	11. Lợi nhuận khác		1.400.000	(32.513.404)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		995.314.713	1.401.077.840
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	208.662.943	293.479.449
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>786.651.770</u>	<u>1.107.598.391</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	415	584

Vũ Thị Hòa

Vũ Thị Hòa
Người lập biểu

Vũ Thị Hòa

Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		995.314.713	1.401.077.840
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.113.999.464	539.719.839
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		1.216.222.420	848.334.294
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(102.222.956)	(308.614.455)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.109.314.177	1.940.797.679
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.317.442.979)	(4.672.654.101)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.519.595.032	1.292.823.784
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.416.068.669	2.575.635.719
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(533.873.893)	190.406.441
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(89.741.090)	(61.326.096)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(40.700.000)	(103.099.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(936.780.084)	1.162.584.426
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.743.781.508)	(1.088.588.219)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		3.500.000.000	7.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		107.631.175	212.480.209
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.863.849.667	623.891.990
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.413.325.388)	(1.312.623.935)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.413.325.388)	(1.312.623.935)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(486.255.805)	473.852.481
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.422.530.337	2.603.413.094
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.936.274.532	3.077.265.575

Vũ Thị Hòa

Vũ Thị Hòa



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu

Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng

Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo đã ban hành Quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.159.850.000 VND, tương đương 2.015.985 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và các sản phẩm giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế, xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị nguyên liệu, vật liệu được xác định giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Giá thành sản phẩm tồn kho được xác định mỗi quý theo tỷ lệ 80% đơn giá nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí thiết kế, giải phóng và đền bù cho hộ dân có đất nông nghiệp trong dự án được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước phản ánh số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực in ấn sách giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	28.904.967	19.027.016
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.907.369.565	903.503.321
Các khoản tương đương tiền	-	1.500.000.000
	1.936.274.532	2.422.530.337

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	4.426.437.891	-	737.873.950	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	747.768.685	-	-	-
- Công ty Cổ phần sách - Thiết bị trường học Hà Tây	620.160.011	-	18.953.990	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	412.777.336	-	-	-
- Nhà xuất bản Đại học sư phạm	131.608.455	-	335.167.971	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.189.866.942	-	394.810.744	-
	7.528.619.320	-	1.486.806.655	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
	6.153.895.901	-	782.605.951	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

Nợ phải thu khách hàng tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đều không có nợ quá hạn và các khoản nợ này có khả năng thu hồi cao. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ phải thu này.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nhà máy in Bộ Tổng Tham Mưu	693.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần VTOW Việt Nam	201.900.000	-	48.899.445	-
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Thiên Bình	-	-	180.000.000	-
- Phạm Phúc Hà	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
- Công ty TNHH Thương mại và Môi trường VINASEP	37.500.000	-	37.500.000	-
- Công ty Chiến Thắng	25.200.000	(25.200.000)	25.200.000	(25.200.000)
- Đối tượng khác	23.000.000	-	88.249.294	-
	1.020.600.000	(65.200.000)	419.848.739	(65.200.000)

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	-	25.200.000	-
Phạm Phúc Hà	40.000.000	-	40.000.000	-
	65.200.000	-	65.200.000	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về vật tư cho mượn	215.485.377	-	159.426.841	-
Phải thu Lãi tiền gửi dự thu	-	-	5.408.219	-
Tạm ứng	117.569.190	-	114.880.390	-
Phải thu Ban quản lý kho Đông Anh ⁽¹⁾	573.270.000	-	573.270.000	-
Phải thu khác	45.848.238	-	39.879.830	-
	952.172.805	-	892.865.280	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan	208.998.693	-	159.426.841	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)

⁽¹⁾ Thực hiện theo Quyết định số 196/2019/QĐ-GĐ ngày 10/07/2019 của Giám đốc Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban quản lý dự án “Mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội”. Theo đó, các khoản phải thu trên liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện dự án và sẽ được thu hồi khi dự án hoàn thành.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.364.705.294	(40.225.548)	1.578.765.177	(40.225.548)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	651.807.050	-	752.807.336	-
Thành phẩm	1.404.382.502	(206.445.472)	2.608.917.365	(206.445.472)
	<u>3.420.894.846</u>	<u>(246.671.020)</u>	<u>4.940.489.878</u>	<u>(246.671.020)</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.460.029.847	50.741.824.831	2.176.488.408	235.639.000	57.613.982.086
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.034.274.500	-	-	-	1.034.274.500
Số dư cuối kỳ	5.494.304.347	50.741.824.831	2.176.488.408	235.639.000	58.648.256.586
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.208.743.473	37.926.371.997	1.891.328.526	235.639.000	44.262.082.996
- Khấu hao trong kỳ	86.201.552	1.019.379.486	110.641.382	-	1.216.222.420
Số dư cuối kỳ	4.294.945.025	38.945.751.483	2.001.969.908	235.639.000	45.478.305.416
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	251.286.374	12.815.452.834	285.159.882	-	13.351.899.090
Tại ngày cuối kỳ	1.199.359.322	11.796.073.348	174.518.500	-	13.169.951.170

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.544.836.566 VND.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh ⁽¹⁾	14.118.477.008	13.408.970.000
	14.118.477.008	13.408.970.000

⁽¹⁾ Trong năm 2010, thực hiện chỉ đạo của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty và một số đơn vị thành viên khác của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Xem thêm ở Thuyết minh số 16) đã ký kết hợp đồng hợp tác số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 để thực hiện đầu tư Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội sẽ đứng vai trò là chủ đầu tư của dự án, thực hiện các thủ tục đầu tư, tập hợp chi phí. Kinh phí để thực hiện dự án sẽ do các bên còn lại góp vốn theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất;
- Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, Dự án chưa triển khai công tác xây dựng mặt bằng nhà xưởng do Giấy phép đầu tư dự án đầu tư đã hết hạn từ năm 2016. Chi phí phát sinh trong kỳ là tiền thuê đất và thuê đất phi nông nghiệp kỳ 1 năm 2020 với giá trị là 709.507.008 VND.

Trong năm 2019, ba bên góp vốn để thực hiện dự án ban đầu là Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc đã gửi công văn yêu cầu rút vốn thực hiện dự án theo tỷ lệ góp vốn.

Thực hiện Quyết định số 661/NXBGDVN ngày 16/05/2019 của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam và Nghị quyết 02/NQ-HĐQT ngày 22/05/2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Sản xuất Phát triển MiZen để tiếp tục dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty Cổ phần Sản xuất Phát triển MiZen chịu trách nhiệm làm việc với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp Giấy phép đầu tư dự án bổ sung. Đồng thời, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội thực hiện thuê bên định giá để đánh giá phần đất và lợi thế thương mại liên quan đến dự án nêu trên. Sau khi xin được giấy phép đầu tư bổ sung, Công ty Cổ phần Sản xuất phát triển MiZen sẽ thực hiện xây dựng 01 nhà xưởng diện tích 300 m² và 01 khu nhà điều hành theo biên bản làm việc số 19.7/BB/BQLDA ngày 19/07/2019 của Ban quản lý dự án. Ngày 20/01/2020, Công ty Cổ phần Sản xuất Phát triển MiZen đã xin chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư theo Công văn số 2001/CV-MZ tuy nhiên đến nay, các bên vẫn chưa thực hiện theo đề xuất của MiZen.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	61.237.046	52.037.424
- Chi phí khác	24.872.085	73.454.583
	86.109.131	125.492.007
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	62.970.199	74.654.564
- Chi phí sửa chữa văn phòng	824.938.801	1.146.084.852
- Chi phí sửa chữa cải tạo nhà xưởng	1.176.623.812	270.536.627
	2.064.532.812	1.491.276.043

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Long Quang	375.980.000	375.980.000	132.000.000	132.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và vận tải Đô Thành	292.229.000	292.229.000	-	-
- Công ty Cổ phần In Khoa học kỹ thuật	264.541.188	264.541.188	15.541.841	15.541.841
- Công ty cổ phần An Hùng Minh	125.691.782	125.691.782	78.251.030	78.251.030
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phát triển Hòa Bình	97.746.000	97.746.000	182.985.000	182.985.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu ngành in SIC	55.407.000	55.407.000	203.418.600	203.418.600
- Phải trả cho các đối tượng khác	183.630.710	183.630.710	269.261.073	269.261.073
	1.395.225.680	1.395.225.680	881.457.544	881.457.544

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty Cổ phần thương mại Bất động sản Hà Nội	152.658.000	-
- Trần Thị Hoa	60.000.000	-
	212.658.000	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	466.656.512	-	-	466.656.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	89.741.090	208.662.943	89.741.090	-	208.662.943
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.022.402	35.507.518	3.922.754	-	32.607.166
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.383.354.940	1.383.354.940	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	90.763.492	2.098.181.913	1.481.018.784	-	707.926.621

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền thuê kho	101.520.877	225.000.000
	101.520.877	225.000.000

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	18.382.605	18.382.605
Bảo hiểm xã hội	119.819.149	-
Bảo hiểm y tế	19.836.827	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.714.530	-
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	15.937.254.640	15.117.023.062
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	6.081.473.280	5.785.473.938
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.730.113.518	3.501.880.624
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	6.125.667.842	5.829.668.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	978.732.544	639.604.096
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	98.531.847	89.043.485
- Phải trả về tiền thuế Thu nhập cá nhân	7.944.939	7.944.939
- Phải trả về vật tư vay, mượn	477.339.575	26.548.672
- Phải trả về tiền thù lao Hội đồng Quản trị	27.500.000	66.000.000
- Phải trả phải nộp khác	367.416.183	450.067.000
	17.082.740.295	15.775.009.763
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	-
	50.000.000	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	16.204.339.950	15.143.571.734

⁽ⁱ⁾ Đây là tiền góp vốn của các bên để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 (Xem thêm Thuyết minh 10).

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.526.424.922	23.332.244.338
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	1.107.598.391	1.107.598.391
Chia cổ tức	-	-	-	(1.327.959.500)	(1.327.959.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(142.857.926)	(142.857.926)
Truy thu thuế theo Biên bản thanh tra	-	-	-	(73.724.879)	(73.724.879)
Số dư cuối kỳ trước	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.089.481.008	22.895.300.424
Số dư đầu năm nay	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.556.895.081	23.362.714.497
Lãi trong kỳ này	-	-	-	786.651.770	786.651.770
Chia cổ tức	-	-	-	(1.422.813.750)	(1.422.813.750)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(108.982.656)	(108.982.656)
Số dư cuối kỳ này	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	811.750.445	22.617.569.861

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2020, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	1.575.012.464
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	108.982.656
Chia cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 750 VND)	1.422.813.750

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.269.760.000	50,94%	10.269.760.000	50,94%
Các cổ đông khác	9.890.090.000	49,06%	9.890.090.000	49,06%
Cộng	20.159.850.000	100%	20.159.850.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.159.850.000	20.159.850.000
- Vốn góp cuối kỳ	<u>20.159.850.000</u>	<u>20.159.850.000</u>

Cổ tức, lợi nhuận:

- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	89.043.485	56.321.120
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	1.422.813.750	1.327.959.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>1.422.813.750</i>	<i>1.327.959.500</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.413.325.388	1.312.623.935
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>1.413.325.388</i>	<i>1.312.623.935</i>
- Số dư cuối kỳ	<u>98.531.847</u>	<u>71.656.685</u>

d) **Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.015.985	2.015.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.015.985</i>	<i>2.015.985</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	118.900	118.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>118.900</i>	<i>118.900</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.897.085	1.897.085
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.897.085</i>	<i>1.897.085</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) **Các quỹ của công ty**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.589.722.101	2.589.722.101
	<u>2.589.722.101</u>	<u>2.589.722.101</u>

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) **Ngoại tệ các loại**

	30/06/2020	01/01/2020
USD	100,00	101,71
EUR	100,00	102,33

b) **Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với Nhà nước để sử dụng cho mục đích làm trụ sở làm việc, nhà kho và xưởng sản xuất từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích đất thuê lần lượt là 28.465,6 m² và 7.662 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn	12.266.986.078	14.020.724.520
Doanh thu khác	2.477.117.927	2.096.493.723
	14.744.104.005	16.117.218.243
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)	12.630.206.116	13.690.635.181

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ in ấn	9.607.357.670	10.663.235.817
Giá vốn hàng bán khác	1.460.493.829	1.529.738.631
	11.067.851.499	12.192.974.448

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	102.222.956	308.614.455
	102.222.956	308.614.455

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.503.780	24.250.000
	40.503.780	24.250.000

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.108.822.582	1.027.507.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.922.567	71.657.455
Thuế, phí và lệ phí	249.300.216	156.703.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	635.344.413	497.746.951
Chi phí khác bằng tiền	667.667.191	1.021.402.241
	2.744.056.969	2.775.017.006

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	995.314.713	1.401.077.840
Các khoản điều chỉnh tăng	48.000.000	66.319.404
- Các khoản chi phí không được trừ	48.000.000	66.319.404
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.043.314.713	1.467.397.244
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	208.662.943	293.479.449
Truy thu theo Quyết định thanh tra thuế	-	60.128.879
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	89.741.090	61.326.096
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(89.741.090)	(61.326.096)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	208.662.943	353.608.328

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	786.651.770	1.107.598.391
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	786.651.770	1.107.598.391
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.897.085	1.897.085
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	415	584

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.953.337.597	5.754.894.256
Chi phí nhân công	4.836.620.185	5.098.453.764
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.216.222.420	848.334.294
Thuế, phí và lệ phí	712.286.332	156.703.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.638.271.098	1.525.592.470
Chi phí khác bằng tiền	1.166.645.467	1.611.422.683
	12.523.383.099	14.995.400.467

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.936.274.532	-	2.422.530.337	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.439.998.144	-	2.379.671.935	-
Các khoản cho vay	-	-	3.500.000.000	-
	10.376.272.676	-	8.302.202.272	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	18.487.171.994	16.656.467.307
	18.487.171.994	16.656.467.307

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.936.274.532	-	-	1.936.274.532
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.439.998.144	-	-	8.439.998.144
	10.376.272.676	-	-	10.376.272.676
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.422.530.337	-	-	2.422.530.337
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.379.671.935	-	-	2.379.671.935
Các khoản cho vay	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000
	8.302.202.272	-	-	8.302.202.272

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	18.437.171.994	50.000.000	-	18.487.171.994
	18.437.171.994	50.000.000	-	18.487.171.994
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	16.656.467.307	-	-	16.656.467.307
	16.656.467.307	-	-	16.656.467.307

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2020	năm 2019
		VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn và bán hàng khác		11.225.886.713	12.697.690.316
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	-	27.852.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	8.260.321.525	10.217.216.043
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng tập đoàn	296.744.340	389.588.583
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	2.080.445.846	2.063.033.690
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	316.213.789	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	Cùng tập đoàn	272.161.213	-
Doanh thu cho thuê kho, cửa hàng		1.404.319.403	992.944.865
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	807.679.096	670.794.500
Công ty Cổ phần Sách đại học - Dạy nghề	Cùng tập đoàn	87.818.182	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	232.243.942	144.670.364
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	78.741.819	39.370.910
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	197.836.364	138.109.091


Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:


	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		6.153.895.901	782.605.951
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	-	44.732.001
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	4.426.437.891	737.873.950
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	747.768.685	-
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	352.493.215	-
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng tập đoàn	214.418.774	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	412.777.336	-

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		208.998.693	159.426.841
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	186.249.319	133.761.239
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	22.749.374	19.178.918
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	-	6.486.684
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		16.204.339.950	15.143.571.734
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	263.321.524	-
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.763.786	3.763.786
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	22.784.886
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư		15.937.254.640	15.117.023.062
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	6.081.473.280	5.785.473.938
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.730.113.518	3.501.880.624
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	Cùng tập đoàn	6.125.667.842	5.829.668.500
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
		VND	VND
Thu nhập của Giám đốc		135.517.619	133.692.733
Thu nhập của người quản lý khác		204.467.436	194.496.749


30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.


Vũ Thị Hòa
Người lập biểu


Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng




Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020